



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

DL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 346.01D/0625

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N°): 12508 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm  
Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP RẠCH GIÁ**  
G8 - 2, đường Văn Cao, phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
Nơi hiệu chuẩn (Place of calibration): **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (26,8 ÷ 26,9) °C (58 ÷ 59) %RH  
Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 346.25D/01

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 28-6-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 28-6-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2025  
(Date of issue)

K.T. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG  
(Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC  
(Director)



VILAS 1265

KS. Nguyễn Tiến Lâm



Nguyễn Hữu Nghị

Trang: (No of Paper) 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 346.01D/0625

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	4 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-7 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-8 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	-6 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	3 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

4/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

**DL CẦN THƠ : ĐK 390**

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluoncantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 346.02D/0625

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 02 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP RẠCH GIÁ**  
(Customer) G8 - 2, đường Văn Cao, phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,8 ÷ 25,9) °C (51 ÷ 52) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 346.25D/02

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 28-6-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 28-6-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2025

(Date of issue)

K. TRƯỜNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)

K. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



VILAS 1265

KS. Nguyễn Liên Lâm



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 346.02D/0625

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	9 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	7 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	6 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	3 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

Mã TL: BM 7.8-02

Ngày BH: 22-12-2022

Lần BH: 02



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No. 13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluonccantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 346.03D/0625

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 13192 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP RẠCH GIÁ**  
G8 - 2, đường Văn Cao, phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
Nơi hiệu chuẩn (Place of calibration): **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): DLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,8 ÷ 25,9) °C (51 ÷ 52) %RH  
Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 346.25D/03

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 28-6-2025

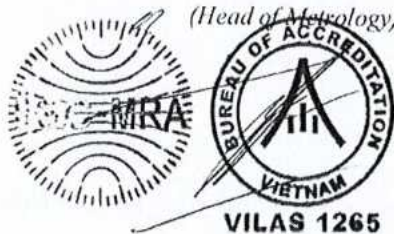
Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 28-6-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)



VILAS 1265

KS. Nguyễn Xuân Lâm

KT. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 346.03D/0625

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	8 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-4 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-8 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-10 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	3 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

**ĐL CẦN THƠ : ĐK 390**

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No. 13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION CERTIFICATE**

Số (N°): 346.04D/0625

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N°): 03 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP RẠCH GIÁ**  
(Customer) G8 - 2, đường Văn Cao, phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,8 ÷ 26) °C (52 ÷ 53) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 346.25D/04

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 28-6-2025

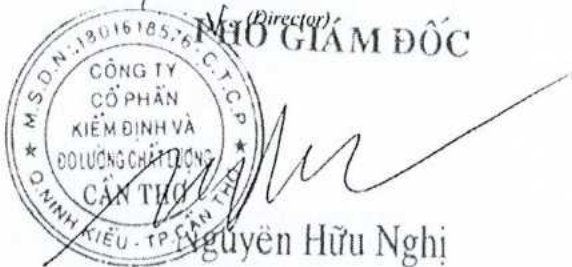
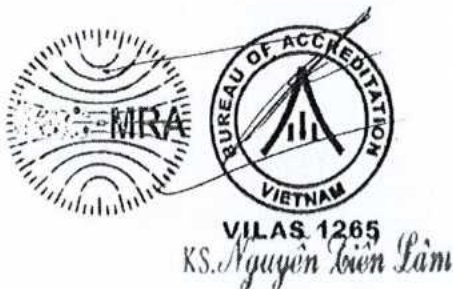
Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 28-6-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2025

(Date of issue)

**TRƯỜNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Head of Metrology)

**K.T. GIÁM ĐỐC**  
(Director)



Trang:  
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N°): 346.04D/0625

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	6 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	7 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-7 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	6 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	3 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Cần Thơ)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 346.05D/0625

Tên phương tiện đo (Object): ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N°): 12709 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP RẠCH GIÁ  
(Customer) G8 - 2, đường Văn Cao, phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
Nơi hiệu chuẩn: CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (26,1 ÷ 26,2) °C (53 ÷ 54) %RH  
Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 346.25D/05

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 28-6-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 28-6-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỜNG PHÒNG ĐO LƯỜNG  
(Head of Metrology)

KT. GIÁM ĐỐC  
(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



KS. Nguyễn Liên Tâm



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)  
- / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 346.05D/0625

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	5 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	7 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-6 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-7 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	5 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	3 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 346.06D/0625

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 14757 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP RẠCH GIÁ**  
(Customer) G8 - 2, đường Văn Cao, phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (26,2 ÷ 26,3) °C (54 ÷ 55) %RH  
Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 346.25D/06

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 28-6-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 28-6-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỜNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



VILAS 1265

KS. Nguyễn Xuân Lâm



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)

1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N°): 346.06D/0625

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	5 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-7 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	-6 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	2 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	4 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)  
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N<sup>o</sup>): 346.07D/0625

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
Kiểu (Type): N/A  
Số hiệu (Serial N<sup>o</sup>): 12489 Mã nhận dạng (ID): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP RẠCH GIÁ**  
(Customer) G8 - 2, đường Văn Cao, phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Phương pháp thực hiện: DLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (26,5 ÷ 26,6) °C (54 ÷ 55) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 346.25D/07

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 28-6-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 28-6-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)



KS. Nguyễn Kiên Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:  
(No of Paper)  
4/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N<sup>o</sup>): 346.07D/0625

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-4 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	6 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	9 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	2 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)  
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

DL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)  
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doloungecantho.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 346.08D/0625

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**  
 Kiểu (Type): N/A  
 Số hiệu (Serial N°): 01 Mã nhận dạng (ID): N/A  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A  
 Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):  
 - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 10) mm  
 - Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP RẠCH GIÁ**  
 G8 - 2, đường Văn Cao, phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
 Nơi hiệu chuẩn (Place of calibration): **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**  
 Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (26,6 ÷ 26,8) °C (57 ÷ 58) %RH  
 Hiệu chỉnh (Adjustment):  Không (No)  Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

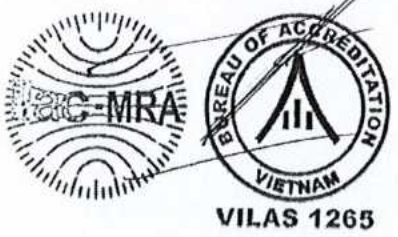
Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 346.25D/08

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 28-6-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 28-6-2026

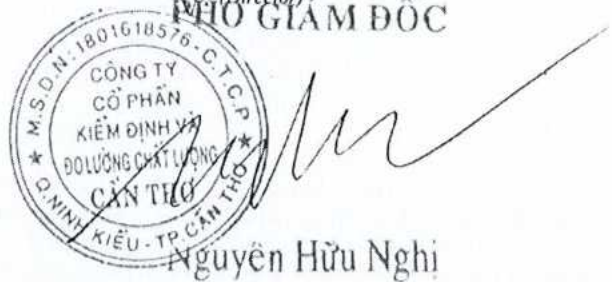
Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2025  
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG  
(Head of Metrology)



VILAS 1265  
KS. Nguyễn Liên Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC  
(Director)  
NGUYỄN HỮU NGHỊ



Trang: (No of Paper) 1/2  
 Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ  
 (This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

## CALIBRATION RESULTS

Số (N°): 346.08D/0625

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	7 $\mu\text{m}$
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-4 $\mu\text{m}$
1/2 vòng (circle)	:	-5 $\mu\text{m}$
1 vòng (circle)	:	5 $\mu\text{m}$
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	4 $\mu\text{m}$
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	3 $\mu\text{m}$
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	3 $\mu\text{m}$
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 $\mu\text{m}$

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%.

(The uncertainty with coverage factor  $k = 2$ , at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.  
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:  
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ  
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)